

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHANG GIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG DỊCH VỤ KỸ THUẬT KHANG GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702938201

**3. Ngày thành lập:** 10/12/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 15, ấp Bờ Càng, Xã Long Tân, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0986955466

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV<br>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế điện công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV<br>- Giám sát lắp đặt thiết bị điện công trình chiếu sáng công cộng, đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV | 7110(Chính) |
| 2.  | Xây dựng công trình điện<br>Chi tiết: Thi công lắp đặt thiết bị điện công trình chiếu sáng công cộng, đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35kV                                                                                                                                                                                                                             | 4221        |
| 3.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>Chi tiết: Thí nghiệm thiết bị điện có cấp điện áp đến 35kV                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7120        |
| 4.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3314        |
| 5.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9511        |
| 6.  | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3319        |
| 7.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3320        |
| 8.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4101        |
| 9.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4102        |
| 10. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4211        |
| 11. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4212        |
| 12. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4222        |
| 13. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4223        |
| 14. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4229        |
| 15. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4293        |
| 16. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4299        |
| 17. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4311        |
| 18. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4312        |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4321        |
| 20. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4322        |
| 21. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4649        |
| 22. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4651        |
| 23. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4652        |
| 24. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4659        |
| 25. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4933        |
| 26. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7710        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ THƯƠNG \_\_\_\_\_ Giới tính: Nữ  
Chức danh: *Chủ tịch công ty kiêm giám đốc*  
Sinh ngày: 01/01/1962 \_\_\_\_\_ Dân tộc: Kinh \_\_\_\_\_ Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
Số giấy chứng thực cá nhân: 280326264  
Ngày cấp: 28/06/2018 \_\_\_\_\_ Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Dương  
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 10, khu phố 3, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*  
Chỗ ở hiện tại: *Tổ 10, khu phố 3, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương